

NGHỀ TRỒNG CÂY ĂN TRÁI Ở ĐỊNH TƯỜNG DƯỚI THỜI VIỆT NAM CỘNG HÒA (1955-1975)

Lê Đình Trọng¹ và Nguyễn Xuân Hoàng^{2,3*}

¹Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm,
Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

³Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thiện Trí, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: Nguyễn Xuân Hoàng, Email: nguyenhoang1127@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 21/10/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 12/11/2024; Ngày duyệt đăng: 25/11/2024

Tóm tắt

Định Tường được thiên nhiên ưu đãi thuận lợi phát triển trồng trọt như đất đai trù phú, khí hậu ôn hòa, dòng sông Tiền cung cấp nguồn nước ngọt và lượng phù sa tạo nên những cánh đồng màu mỡ; nguồn lao động đông đảo. Bài viết cố gắng phác họa lại bức tranh về nghề trồng cây ăn trái ở Định Tường giai đoạn 1955 - 1975, trong đó cố gắng đi sâu nghiên cứu về chính sách đất đai phát triển nông nghiệp nói chung và nghề trồng cây ăn trái nói riêng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, đồng thời chỉ ra những cố gắng của người dân Định Tường trong việc khắc phục trở trở do chiến tranh, tổ chức hoạt động làm vườn để giải quyết vấn đề sinh kế, cải thiện đời sống góp phần vào sự phát triển kinh tế chung của tỉnh.

Từ khóa: Cây ăn trái, Định Tường làm vườn, Việt Nam Cộng hòa.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1384>

Trích dẫn: Lê, Đ. T., & Nguyễn, X. H. (2024). Nghề trồng cây ăn trái ở Định Tường dưới thời Việt Nam Cộng hòa (1955-1975). *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 255-264. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1384>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License

THE FRUIT-GROWING PROFESSION IN DINH TUONG UNDER THE REPUBLIC OF VIETNAM (1955-1975)

Le Dinh Trong¹ and Nguyen Xuan Hoang^{2,3*}

¹*Faculty of Social Sciences Teacher Education, School of Education,
Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

³*Thien Tri Primary and Secondary School, Tien Giang province, Vietnam*

*Corresponding author: Nguyen Xuan Hoang, Email: nguyenhoang1127@gmail.com

Article history

Received: 21/10/2024; Received in revised form: 12/11/2024; Accepted: 25/11/2024

Abstract

Dinh Tuong benefits from natural advantages such as fertile land, temperate climate, and the Tiền River, which provides fresh water and silt for lush fields. It also has a large labor force. This article attempts to depict the fruit-growing profession in Dinh Tuong from 1955 to 1975, delving into the land policies for agricultural development in general and fruit growing in particular under the Republic of Vietnam government. It highlights the efforts of Dinh Tuong's people to overcome wartime challenges, organize gardening activities to solve livelihood issues, and improve living standards, contributing to the overall economic development of the province.

Keywords: *Dinh Tuong, fruit trees, gardening, Republic of Vietnam.*

1. Mở đầu

Định Tường là một tên gọi đơn vị hành chính được thành lập từ thời các chúa Nguyễn, trải qua nhiều giai đoạn lịch sử tên gọi Định Tường dần được xác lập gắn liền với lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ. Tên gọi này tồn tại trong các văn bản hành chính của những chính quyền ở miền Nam Việt Nam đến năm 1975.

Năm 1780, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi chúa, thành lập dinh Trấn Định và đặt lỵ sở tại thôn Mỹ Chánh (Mỹ Tho). Đến thời Gia Long (1802), tên gọi dinh đổi thành trấn; ở Nam Kỳ có năm trấn là: Hà Tiên, Vĩnh Long, Phiên An, Biên Hòa và Định Tường, tất cả đặt dưới sự thống lĩnh của thành Gia Định. Dưới thời Minh Mạng (1826), ông cho đổi trấn thành tỉnh; ở Nam Kỳ lúc này có ba tỉnh kiêm nhiếp và ba tỉnh phân hạt, Định Tường là tỉnh phân hạt dưới sự kiêm nhiếp của tỉnh Vĩnh Long. Năm 1832, Gia Định thành bị xóa bỏ, chia thành sáu tỉnh, trong đó tỉnh Định Tường gồm có một phủ (Kiến An) và ba huyện (Kiến Hưng, Kiến Đăng, Kiến Hòa). Tỉnh Định Tường thuộc miền Đông Nam Kỳ cùng với Gia Định, Biên Hòa. Năm 1867, sau khi chiếm ba tỉnh miền tây, chính quyền thực dân xóa bỏ sáu tỉnh ở Nam Kỳ chia thành 27 hạt Thanh tra; tỉnh Định Tường chia thành bốn hạt Thanh tra, riêng vùng Gò Công thuộc huyện Tân Hòa, Gia Định. Ngày 20/12/1899, Toàn quyền Đông Dương ban hành nghị định thành lập ở Nam Kỳ 21 tỉnh; vùng đất Định Tường lúc này là tỉnh Mỹ Tho và tỉnh Gò Công. Đến năm 1951 thì Ủy ban hành chính Nam Bộ ra quyết định xác nhập 3 tỉnh Mỹ Tho, Tân An, Gò Công thành tỉnh Mỹ Tho.

Khi Hiệp định Genève được ký kết, Việt Nam tạm thời chia cắt thành hai miền, tuy nhiên với sự giúp sức của Mỹ, chính thể Việt Nam Cộng hòa được thành lập ở miền Nam, do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống. Sau khi chính thức tuyên bố thành lập chế độ Việt Nam Cộng hòa, Ngô Đình Diệm tiến hành nhiều hoạt động nhằm củng cố quyền lực và xác lập nền hành chính trên toàn miền Nam. Tỉnh Định Tường được thành lập trên cơ sở xác nhập 2 tỉnh Mỹ Tho và Gò Công, lúc này bao gồm 7 quận, 15 tổng và 123 xã.

Ở Định Tường bên cạnh trồng lúa, nghề làm vườn với việc trồng cây ăn trái cũng là thế mạnh, góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, tạo nguồn thu nhập giúp ổn định cuộc sống người dân nông thôn, đóng góp đáng kể vào bức tranh nông nghiệp của địa phương.

2. Nội dung

2.1. Điều kiện tự nhiên, con người ở Định Tường

Định Tường có nhiều điều kiện thuận lợi về tự nhiên để phát triển nông nghiệp.

Về đất đai, diện tích khoảng 2.220km², trải dài từ tây sang đông dọc theo tả ngạn sông Tiền. Nhóm đất phù sa chiếm diện tích lớn nhất hơn 52% diện tích tự nhiên. Đây là loại đất mang lại giá trị tối ưu cho trồng trọt.

Về khí hậu khá điều hòa, một năm có hai mùa: mùa khô và mùa mưa. Rất ít gió bão, có hai mùa gió trong năm là gió Tây Nam và gió Đông Bắc. Lượng mưa trung bình năm từ 1500 - 2000 mm. Lượng mưa kết hợp chế độ thủy văn trở thành nhân tố quyết định chi phối đến vụ mùa, cơ cấu cây trồng, sản ngạch và chất lượng nông sản.

Về nguồn nước, Định Tường có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nước sông có tầm quan trọng với tỉnh ở nhiều mặt như trồng trọt, sinh hoạt, thủy sản, giao thông thủy... Sông Tiền và sông Vàm Cỏ là hai sông ảnh hưởng lớn đến việc cung cấp nước và tổng lượng phù sa thông qua mạng lưới kinh rạch. Hệ thống sông, rạch góp phần tăng độ phì nhiêu cho đất đai, giúp tạo nên những vườn cây trĩu quả.

Về con người, so với các tỉnh Miền Tây Nam phần, Định Tường là vùng đất chật người đông, số dân 674.800 người, là tỉnh có mật độ dân số cao nhất với 304 người/km² (Phông Suru tập tư liệu, Việt Nam thống kê nông nghiệp 1961, Hss: Vv.350, tr.5). Dân số đông là điều kiện vô cùng thuận lợi, đảm bảo cung cấp lượng lao động nông nghiệp dồi dào, ổn định. Dân cư hoạt

động nông nghiệp chiếm 85-90% dân số. Người dân Định Tường trải qua bao thế hệ sống bằng nghề nông trồng lúa nước, bên cạnh đó là trồng cây ăn trái nên kinh nghiệm phong phú, họ chất lọc qua từng vụ mùa; đối phó những bất lợi của thiên nhiên để thích nghi và tạo dựng cuộc sống ổn định. Tuy nhiên trong điều kiện chiến tranh, nhu cầu nhân sự phục vụ cho các hoạt động chiến sự thì nguồn lao động chắc chắn suy giảm, nhất là nam giới. Người dân sẽ ít nhiều có tham gia chính quyền cách mạng phục vụ công cuộc giải phóng, thống nhất đất nước. Bên cạnh đó là yêu cầu phục vụ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa và các hoạt động khác của chính quyền Sài Gòn.

2.2. Chính sách đất đai nhằm phát triển nông nghiệp của chính quyền Sài Gòn

Khi bắt đầu can dự vào miền Nam và hỗ trợ dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, người Mỹ rất xem trọng vấn đề ruộng đất. Xem đó là cốt lõi việc thực hiện chính sách thực dân mới ở một trong những nơi mà cuộc sống của người dân gắn với nghề nông trồng lúa nước. Lâm (1997) có nhận xét: “Trong quá trình chống phá các phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, phần lớn là những nước mà đa số dân là quần chúng nông dân để quốc Mỹ nhận thức được một điều: muốn thiết lập chế độ thực dân mới ở những nước này, trước hết phải “tranh thủ trái tim khối óc của nông dân”, tách quần chúng nông dân ra khỏi ảnh hưởng của cách mạng”. Có thể thấy, Ngô Đình Diệm nắm quyền trong điều kiện phần đông người dân ủng hộ chính phủ của Hồ Chí Minh với nhiều cải cách tiến bộ về ruộng đất. Mỹ muốn chính quyền Ngô Đình Diệm vững chắc thì phải gạt mọi ảnh hưởng “của những người cộng sản tại nông thôn miền Nam” (Lê, 2020) bằng chính sách ruộng đất. Một phái đoàn do chuyên gia về cải cách ruộng đất của Mỹ là Wolf Ladejinsky dẫn đầu đã đến miền Nam trong thời gian 1955-1956 cố vấn cho Ngô Đình Diệm soạn thảo chương trình cải cách ruộng đất, kèm theo đó là sự hỗ trợ từ Mỹ, như Lâm (1997) đã đề cập “Mỹ còn viện trợ cho chương trình “cải cách điền địa” này đến 225 triệu đồng miền Nam”.

Nội dung cải cách điền địa của Ngô Đình Diệm được thể hiện qua 3 đạo dụ chính là: Dụ số 2 ngày 08/01/1955, Dụ số 7 ngày 05/02/1955 (được bổ sung bởi Dụ số 28 ngày 30/4/1956) và Dụ số 57 ngày 22/10/1956. Tuy nhiên, Lê (2020) cho biết “theo sự thống kê của Bộ Cải cách điền địa thời Ngô Đình Diệm, đến tháng 6/1960, có trên 100 văn bản các loại đã được ban hành”; đó là những văn bản ban hành kèm theo nhằm điều chỉnh hướng dẫn thực hiện.

Tại Định Tường, hết năm 1957 số khế ước được đăng ký là 52.806 tờ, loại A: 41.457 tờ, loại B: 7.608 tờ, loại C: 3.741 tờ; Phân chia ruộng đất bán cho nông dân là 7.977 ha, số dân tá canh thụ hưởng là 5.725 người. Đến hết năm 1960, tình hình có tiến triển hơn; toàn tỉnh có 16.861 ha ruộng kê khai truất hữu, đã đo đạc 13.176 ha, đã cấp phát cho 8.270 nông dân (trong số này có 5.603 người được lãnh chứng nhận cấp ruộng và đã trả góp số tiền là 3.701.630 đồng), còn 3.208 ha đất hoang chưa có người mua. Việc phân chia ruộng đất bán cho nông dân theo Dụ số 57 diễn ra khá chậm, một phần nguyên nhân là việc định giá chưa hợp lý nhất là loại “ruộng hoang”. Theo quy định của Hội đồng Cải cách điền địa (tại cuộc họp lần thứ V ngày 21/8/1957), giá biểu ruộng đất truất hữu tại Định Tường được ấn định như sau: ruộng hạng D (1 mùa) là 3.500 đồng/1ha, ruộng hạng D (ruộng sạ) là 3.000 đồng/1ha; giá ruộng hoang sẽ bằng 50%. Điều không hợp lý là chưa phân biệt ruộng hoang do chiến cuộc hay do điều kiện đất đai. Những vùng đất trù phú (chẳng hạn quận Cái Bè) khi có chiến sự sẽ bỏ hoang, nhưng khi canh tác trở lại sẽ nhanh chóng ổn định sản xuất và có hoa lợi. Ngược lại những nơi đất phèn, xấu (ven Đồng Tháp Mười) bán nông dân không mua vì tốn rất nhiều công cải tạo năng suất cũng sẽ không cao. Vấn đề bất hợp lý này đến năm 1959 mới được Bộ Điền thổ và Cải cách điền địa giải quyết bằng công văn số 2145-BĐT/CCĐĐ ngày 10/7/1959, có bút phê đồng ý của Chủ tịch Hội đồng Cải cách điền địa và đại diện Bộ Kinh tế. (Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa (1954-1963), Hồ sơ số: 12729).

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ (01/11/1963), nội bộ chính quyền Sài Gòn rơi vào hỗn loạn, nhiều cuộc đảo chính thanh trừng nội bộ liên tiếp diễn ra. Đến tháng 6/1966, tướng Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ đại diện cho Ủy ban Lãnh đạo Quốc gia tuyên bố mở cuộc bầu cử

Tổng thống và Quốc hội diễn ra ngày 03/9/1967, kết quả Nguyễn Văn Thiệu trúng cử và được bầu làm Tổng thống.

Trong giai đoạn sau đảo chính Ngô Đình Diệm từ năm 1964 đến 1969, không có chính sách mới nổi bật về ruộng đất, mà chỉ là tăng cường hơn nữa chương trình cải cách điền địa do Ngô Đình Diệm “khai sinh”. Tuy nhiên trong những năm 1968, 1969 tình hình miền Nam có nhiều biến chuyển có lợi cho cách mạng. Đó sự ra đời của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam vào tháng 6/1969. Đánh giá tình thế này, Nguyễn (2019) cho rằng “đã xác lập thực tế ở miền Nam Việt Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 vùng kiểm soát”. Tình thế này buộc chính quyền Sài Gòn do Nguyễn Văn Thiệu làm tổng thống phải thay đổi, nếu muốn thắng trong cuộc chiến “giành dân”. Ngay từ khi cầm quyền, Nguyễn Văn Thiệu cũng rất quan tâm vấn đề ruộng đất. Trong một lần đi kinh lý tỉnh Định Tường cùng Thủ tướng Trần Văn Hương, Nguyễn Văn Thiệu đã chủ trì lễ phát chứng khoán ruộng đất cho nông dân tại quận Châu Thành ngày 23/4/1969 (Phòng Sưu tập tài liệu ảnh, Hồ sơ số: 1830). Điều đó cho thấy vấn đề ruộng đất vẫn là ưu tiên của chính quyền Sài Gòn.

Ngày 26/3/1970, Nguyễn Văn Thiệu ký ban hành Luật 003/70 ấn định chính sách “Người cày có ruộng” trong một cuộc mít tinh trọng thể tại Cần Thơ. Chính quyền Sài Gòn huy động cả bộ máy tuyên truyền nhằm cho thấy sự ưu việt, lợi ích tuyệt đối của chương trình “Người cày có ruộng” dành cho người dân miền Nam. Chính quyền Sài Gòn tự tin sẽ thực hiện được “một chính sách cải cách điền địa tiên bộ nhất vùng Đông Nam Á” (Bộ Giao thông và Bưu điện (1969-1973), Hồ sơ số: 901, tờ 139), xem đây như “con bài” chiến lược đối đầu với những người cộng sản và hạ quyết tâm giành thắng lợi cuối cùng. “Chính sách người cày có ruộng là biện pháp chính trị mạnh mẽ nhất để chóng chấm dứt cuộc chiến tranh hiện tại và đảm bảo hòa bình vĩnh cửu trong tương lai” (Bộ Giao thông và Bưu điện (1969-1973), Hồ sơ số: 901, tờ 49). Tại Định Tường, công tác cấp phát ruộng đất theo Luật Người cày có ruộng được chính quyền thực hiện từ năm 1970 đến 1972 đã cấp phát cho 35.502 nông dân với 46.227 ha; công tác bồi thường ruộng đất bị trất hữu ghi nhận cấp phát 1.873 chi phiếu, số tiền 344.547.272 đồng, trên diện tích 6.828 ha (Đỗ, 1973).

Bảng 1. Số lượng chứng khoán được cấp theo Luật Người cày có ruộng tại Định Tường, từ năm 1970-1972

Năm	Chứng khoán cấp phát	Diện tích tương ứng (ha)
1970	3.634	3.159
1971	18.672	22.449
1972	13.196	20.619

Nguồn: Đỗ (1973).

Những số liệu thống kê về phân chia ruộng đất cho nông dân Định Tường chưa chắc là thành quả của chính quyền Sài Gòn, mà đó là hợp thức hóa, “giành công” chính sách của chính quyền cách mạng đã làm cho nông dân. Vì từ sau Đồng khởi 1960, phần lớn địa chủ đã bỏ nông thôn chuyển đến đô thị, thay đổi mô hình làm ăn, ruộng đất đã được chính quyền cách mạng chia cho nông dân. Lâm (1997) đánh giá rằng: “Một điều Mỹ Thiệu hoàn toàn không muốn, nhưng không thể nào làm khác hơn, là phải mặc nhiên thừa nhận những thành quả của cách mạng ruộng đất trong nông thôn miền Nam do Đảng ta lãnh đạo từ sau cuộc Đồng khởi 1959-1960”.

2.3. Vấn đề khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ nông dân trồng cây ăn trái

Giống cây trồng: Dưới thời Ngô Đình Diệm, chính quyền Sài Gòn có nhiều nghiên cứu, thí điểm cho việc sưu tầm, lai tạo, chọn lọc giống... phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1955, tỉnh đã thành lập một vườn ương cây giống diện tích 17.000 m²; sưu tầm các giống cây địa phương và từ nước ngoài tổ chức tuyển lựa những giống có phẩm chất tốt bán cho nông dân; hướng dẫn nông dân kỹ thuật trồng, chăm sóc vườn từ đó nâng cao năng suất,

cải thiện thu nhập. Tuy nhiên, nguồn cung cây giống không phải dồi dào, nông dân phải chủ động để đảm bảo duy trì sản xuất, ổn định cuộc sống. Lê (2020) đã cho biết “Theo các báo cáo của chính quyền Việt Nam Cộng hòa, khoảng $\frac{3}{4}$ nhu cầu giống lúa và các loại cây trồng khác vẫn là do nông dân tự sản xuất hoặc tìm tòi bằng các nguồn riêng”.

Phân bón hóa học: Phân bón hóa học và thuốc sát trùng chủ yếu là nhập khẩu. Việc cung cấp cho nông dân càng không được dễ dàng. Trước khi sử dụng rộng rãi sẽ qua quá trình nghiên cứu thí điểm. Chính quyền sẽ ưu tiên cấp bán cho các trại định cư, khu trù mật, áp chiến lược. Trong khi đa số nông dân vẫn dùng phân chuồng, phân xanh, chăm sóc cây trồng bằng những phương pháp cổ truyền, kinh nghiệm dân gian. Vấn đề này không là câu chuyện riêng ở Định Tường mà cả Việt Nam Cộng hòa. Lê (2020) đã kết luận “Suốt thời kỳ Ngô Đình Diệm, việc sử dụng phân bón hóa học vẫn còn rất mới mẻ đối với ngành trồng trọt. Phân bón nhập cảng hàng năm chủ yếu dùng yểm trợ cho kế hoạch Dinh điền, đa số nông dân vẫn trồng chay (không bón phân) hoặc tiến bộ hơn thì sử dụng phân chuồng, phân xanh. Việc sử dụng phân hóa học trong các dinh điền phần lớn cũng còn mang tính chất kiểm nghiệm. Do vậy, phân bón hóa học thời kỳ này chưa có tác dụng đáng kể đối với nền nông nghiệp trồng trọt miền Nam”. Giá cả sẽ do Bộ Kinh tế ấn định tùy theo địa phương xa hay gần Sài Gòn là nơi tập trung các nhà nhập cảng. Ví dụ phân Urée (U-rê): ở Định Tường là 5.580 đồng/tấn, Vĩnh Long 5.680 đồng/tấn, An Giang 5.790 đồng/tấn (Bộ Thương mại và Tiếp tế - Nha Ngoại thương (1951-1975), Hồ sơ số: 681)... Định Tường được ấn định giá khá thấp so với nhiều địa phương ở miền Tây Nam phần sẽ góp phần tiết giảm chi phí sản xuất, nông dân có huê lợi cao hơn.

Lê (1971) cho biết “Kể từ năm 1967 chương trình phân bón trực viện không còn nữa và thay thế bằng chương trình thương mại, chính phủ trực tiếp đứng ra nhập cảng phân bón. Được biết, nếu tính 1 kg phân bón từ ngoại quốc chở về Sài Gòn lên đến 22 đồng. Trong khi đó, chính phủ chỉ bán 15 đồng số sai biệt này chính phủ chịu lỗ”. Việc đẩy mạnh nhập khẩu phân bón chủ yếu chỉ phục vụ Chương trình lúa Thần Nông nên việc sử dụng cho cây trồng khác khi điều kiện có dư. Nhu cầu là rất lớn, nhưng việc tiếp cận mua và sử dụng thì không hề dễ dàng vì nhiều khó khăn, đến mức nông dân không dám mua phân vì “chứa phân trong nhà như chứa đồ quốc cấm” (Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa (1954-1975), Hồ sơ số: 28212, tờ số 19).

Giống cây trồng và phân bón đã làm thay đổi năng suất ngành trồng trọt, tạo nên cuộc cách mạng về sản lượng. Điều đó cho thấy sự cố gắng của chính quyền trong thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp, bên cạnh đó là tinh thần lao động, khả năng tiếp cận khoa học của nông dân trong mong muốn cải thiện cuộc sống. Tuy nhiên, người nông dân sẽ không phải dễ dàng tiếp cận cây giống, phân hóa học vì các chương trình của chính quyền đưa ra đều phải ưu tiên cấp phát hoặc bán rẻ cho những khu tập trung dân do chính quyền Sài Gòn lập nên; mục đích chính trị vẫn là ưu tiên hơn vấn đề lo cho sinh kế của người dân.

2.4. Kết quả đạt được

Trước khi định hình được hệ thống vườn cây ăn trái để tạo huê lợi, bên cạnh trồng lúa, cau và dừa được trồng nhiều ở Định Tường. Tuy nhiên vị thế của hai loại cây này có sự thay đổi, từ nửa sau thế kỷ XIX cau không còn chiếm ưu thế, lúc này loại cây trồng diện tích rất lớn là cây dừa. Sách *Địa chí Tiền Giang, tập 1* nhận xét: “Dừa là loại cây được trồng nhiều nhất, còn cau thì tụt xuống vị trí thứ yếu. Diện tích vườn dừa ở Mỹ Tho và Gò Công là 4.905 ha, chỉ đứng sau diện tích trồng lúa, chiếm đến 32,5% tổng diện tích vườn dừa toàn Nam Kỳ (15.250 ha), Diện tích vườn cau chỉ còn 1.836 ha và diện tích vườn trà là 1.268 ha. Sự thay đổi đó bắt đầu từ việc com dừa là mặt hàng được tiêu thụ mạnh trên thị trường trong và ngoài nước. Com dừa phục vụ cho các ngành công nghiệp thực phẩm, chế biến xà phòng và bôi trơn máy móc”.

Trước năm 1955, việc trồng cây ăn trái được đẩy mạnh ở những khu vực có lượng phù sa sông Tiền bồi đắp thường xuyên như Cái Bè, Cai Lậy. Đây là vùng đất trù phú, độ phì cao, lượng nước ngọt ổn định. Chuối là loại cây được trồng khá nhiều với diện tích hơn 3.000 ha, là loại trái cây cho nhiều nguồn lợi và được tiêu thụ nhiều, có rất nhiều giống chuối được trồng như: chuối xanh, chuối hột, chuối mật,...

Từ sau 1955, cây ăn trái là một thế mạnh của nông nghiệp Định Tường, diện tích trồng và sản lượng luôn dẫn đầu các tỉnh miền Tây Nam phần. Định Tường trở thành tỉnh chuyên canh về cây ăn quả với nhiều loại cây: cam, quýt, bưởi, chuối, xoài, vú sữa, mận, măng cầu... Nhiều loại cây ăn quả trở thành đặc sản như: xoài cát Hòa Lộc (Giáo Đức), cam Cái Bè, mận hồng đào (Long Định)... Vườn trồng cây ăn trái ở Định Tường không trồng rất một loại; thường tập trung ven sông, nơi có đất phù sa, đất pha, điều kiện thủy lợi tốt. Ngoài ra, với những ruộng lúa điều kiện gò cao năng suất kém, người dân lên liếp chuyển sang trồng cây ăn quả làm cho diện tích ngày càng tăng. Diện tích trồng cây ăn quả của tỉnh Định Tường năm 1961 là 10.200 ha tập trung nhiều ở Long Định (2.523 ha), Sùng Hiếu (2.209 ha), Khiêm Ích (2.054 ha), Giáo Đức (1.906), thấp nhất là quận Gò Công có 67 ha, vùng này điều kiện thủy lợi không tốt, nước nhiễm mặn vào mùa khô nên khó canh tác, loại cây trồng được ở đây là măng cầu chịu đất giồng cát, năng suất cũng không cao; sản lượng thu hoạch khoảng 40.000 tấn, thặng dư để bán 20.000 tấn (Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957 - 1963), Hồ sơ số: 401, tờ số 15, 18). Ở Định Tường có 6 loại cây ăn quả được trồng nhiều là mận, xoài, cam, quýt, bưởi, chuối.

Bảng 2. Tình hình canh tác các loại cây ăn trái chủ yếu ở Định Tường năm 1961

Loại cây	Diện tích (ha)	Quận	Năng suất trung bình (tấn/ha)
Mận	600	Long Định	5,0
Xoài	100	Giáo Đức	5,0
Cam, quýt	100	Sùng Hiếu, Giáo Đức	6,0
Bưởi	400	Sùng Hiếu, Giáo Đức	10,0
Chuối		Sùng Hiếu, Giáo Đức	12,0

Nguồn: Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957-1963), Hồ sơ số: 401.

Đến năm 1963 diện tích có giảm nhưng vẫn duy trì được 9.150 ha; sản lượng, năng suất vẫn chiếm vị trí dẫn đầu Việt Nam Cộng hòa. Về sản lượng năm 1963 là 64.000 tấn, trong khi cả miền Nam là 263.540 tấn (Phông Sưu tầm tư liệu, Hồ sơ số: Vv 352, tr.62), chiếm 24,3%; đến năm 1972, vùng trồng cây ăn quả Định Tường chiếm 24% về diện tích và 37,3% sản lượng toàn miền (Phông Sưu tầm tư liệu, Hồ sơ số: Vv 367, tr. 60). Có thể gọi Định Tường là thủ phủ trái cây của miền Nam. Trồng cây ăn quả trở thành một nghề thứ yếu bên cạnh trồng lúa, góp phần cải thiện nguồn thu nhập cho người dân.

Bảng 3. Tình hình trồng cây ăn trái ở Định Tường, từ 1963-1972

Năm	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)	Năng suất (tấn/ha)
1963	9.150	64.000	6,99
1964	8.550	56.350	6,59
1965	8.550	56.000	6,55
1966	8.450	56.000	6,63
1967	8.450	56.000	6,63
1968	8.450	86.000	10,18
1969	8.500	86.000	10,12
1970	8.500	86.000	10,12
1971	8.500	86.500	10,18
1972	9.200	86.000	9,35

Nguồn: Phông Sưu tập tư liệu, Hồ sơ số: Vv 352, Vv 358, Vv.367.

Diện tích và sản lượng được cải thiện qua từng năm, vườn tạp vẫn chiếm diện tích khá lớn, nhưng về cơ bản ở Định Tường đã hình thành các vùng chuyên canh như Cái Bè, Cai Lậy chuyên trồng cam mật, bưởi, sầu riêng, xoài cát, mận hồng đào Trung Lương, vú sữa Vĩnh

Kim,... Từ năm 1968, năng suất thu hoạch đạt trung bình khoảng 10 tấn/ha, góp phần tạo cho nông dân nguồn thu nhập rất lớn. Sự thay đổi đó do người nông dân tích lũy được kinh nghiệm và có nhiều sáng tạo trong canh tác như việc xử lý cho cây trồng ra hoa kết quả trái vụ; việc sử dụng phân bón, dùng thuốc sát trùng trừ sâu hại cũng góp phần nâng năng suất vườn cây. Sự gia tăng diện tích và sản lượng cây trồng còn “nhờ chấm dứt sử dụng thuốc khai hoang, các vườn rẫy đã có bộ diện xanh tốt trở lại. Nông dân hăng hái tu bổ và tái thiết các thửa vườn cây ăn trái và rẫy trồng rau, cà, đậu...” (Phông Suru tầm tư liệu, Hồ sơ số: Vv 358, tr. 60). Về hoa lợi khi trồng cây ăn quả, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang (2005) có nhận xét như sau: “Nghề trồng cây ăn trái đem lại thu nhập cao cho nông dân, hơn gấp nhiều lần so với canh tác ruộng. Đơn cử, việc trồng mận hồng đào Trung Lương, 1 ha vườn mỗi năm cho hoa lợi trị giá 200.000 đồng, tương đương 20 lượng vàng, còn trồng một công (1.000 m²) thì thu được 20.000 đồng. Tương tự việc trồng vú sữa lò rèn Vĩnh Kim, liên tiếp trong nhiều năm được tiêu thụ mạnh ở các chợ trái cây ở cầu Ông Lãnh (Sài Gòn), cho nên các chủ vườn dám giúp vốn cho các ông lái buôn đi bỏ tiền đặt cọc mua trước. Nhiều ông lái buôn bỏ vốn mua huê lợi từ 2 - 3 mùa. Ví dụ mùa năm 1966 chủ vườn đã bán cho họ 50.000 đồng; năm 1967, mặc dù vú sữa chưa có hoa, họ chịu mua trước với giá 70.000 đồng và mùa năm 1968 với giá 90.000 đồng cứ mỗi năm một lên”.

Riêng về chuối, qua bảng thống kê cho thấy năng suất rất cao so với những cây trồng khác. Tất cả các quận người dân đều trồng được chuối. Tuy nhiên, ở Sùng Hiếu và Giáo Đức được chính quyền hỗ trợ bằng “Chương trình trồng chuối” nên việc canh tác, sản lượng tốt hơn những nơi khác. Năm 1962, quận Sùng Hiếu được chọn thí điểm trồng chuối xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản với 37,3 ha, trong đó xã Hiệp Đức 17,3 ha, xã Đông Hòa Hiệp 20 ha (Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957-1963), Hồ sơ số: 860, tr. 6), sau đó được mở rộng diện tích đến cuối năm 1962 là 70,6 ha do có thêm xã Hòa Khánh 6 ha là ba xã (Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ (1957-1963), Hồ sơ số: 6469, tr. 2). Tính chung toàn tỉnh diện tích là 1.200 ha, sản lượng đạt 18.000 tấn, chỉ xếp sau Kiến Hòa (39.100 tấn). Năm 1964 diện tích 1.400 ha, đến năm 1972 tăng thêm 500 ha, sản lượng từ 18.000 tấn tăng lên 24.300 tấn. Từ vị trí thứ hai sau Kiến Hòa (năm 1963), đến năm 1972 diện tích và sản lượng chuối ở Định Tường thua xa nhiều tỉnh như Sa Đéc đạt 50.000 tấn, Vĩnh Long đạt 33.820 tấn, Kiến Hòa đạt 32.000 tấn (Phông Suru tầm tư liệu, Hồ sơ số: Vv 367, tr. 61). Tuy nhiên chuối trồng thu hoạch quanh năm, nguồn lợi thu được của nông dân là ổn định.

Nông dân cũng chú ý đến việc tu bổ thường xuyên vườn cây ăn trái, “thay thế các cây già, cây chết bằng các cây non giống tốt (cây ương, cây tháp, và cây chiết) xuất xứ từ vườn ươm cây tỉnh” (Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa (1954-1975), Hồ sơ số: 935, tờ 52). Nhờ vậy cây ăn trái có đóng góp 537.953,2 tấn vào tổng sản lượng nông sản xuất tỉnh tiếp tế cho đô thành Sài Gòn năm 1969 (Phủ Tổng thống Đế nhị Cộng hòa (1967-1975), Hồ sơ số: 2371).

3. Kết luận

Trong thời kỳ 1954-1975, trên cơ sở những điều kiện thuận lợi về tự nhiên (đất đai, khí hậu, nguồn nước) và nguồn nhân lực, bên cạnh một số chính sách của chính quyền Việt Nam Cộng hòa qua các thời kỳ, thì nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự phát triển của nền nông nghiệp nói chung và ngành trồng cây ăn trái của Định Tường nói riêng, phần lớn dựa vào sự chủ động, nỗ lực, sáng tạo của người dân địa phương.

Có thể nói, nghề trồng cây ăn trái ở Định Tường thời kỳ 1954 - 1975 cũng đã phải đối mặt với rất nhiều thách thức, khó khăn. Tuy nhiên, người dân Định Tường đã chủ động tận dụng những ưu đãi của thiên nhiên, lựa chọn những loại cây trồng phù hợp để mang lại lợi nhuận, góp phần cải thiện cuộc sống của chính mình. Cây ăn trái đã góp phần hạn chế thể độc canh cây lúa, dù canh tác loại cây trồng này chưa nhận được những chính sách hỗ trợ tương xứng từ chính quyền. Với những nỗ lực không ngừng nghỉ của người dân đã giúp nghề trồng cây ăn trái không chỉ tồn tại mà còn phát triển, góp phần vào sự ổn định kinh tế và cải thiện cuộc sống. Việc tận dụng tối đa những ưu thế tự nhiên và tổ chức sản xuất nông nghiệp đã giúp người dân

Định Tường xây dựng một nền nông nghiệp vững chắc và hiệu quả, đáng để tự hào. Định Tường xưa, Tiền Giang nay, được biết đến là một “vương quốc trái cây” của miền Tây. Nhiều loại trái cây trở thành đặc sản gắn với địa danh phát tích và là thương hiệu nổi tiếng đến ngày nay. Tất cả những thành quả đó nhờ vào sự cần cù, sáng tạo của người dân.

Chính quyền Sài Gòn đã đưa ra nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ nghề trồng cây ăn trái; tuy nhiên vấn đề chính trị luôn là ưu tiên nhằm đối phó, cạnh tranh sự ảnh hưởng với chính quyền cách mạng. Vì vậy, hoạch định kế hoạch rất quy mô nhưng khả năng thực hiện thì hạn hẹp, nên kết quả tác động là không nhiều và đó là sản phẩm từ sự lao động cần cù, sáng tạo của người dân hơn là hiệu quả hoạt động của chính quyền. Những thất bại của chính quyền Sài Gòn, là bài học cho bất kỳ chính quyền nào trong việc hoạch định chính sách nhất là những vấn đề gắn với sinh kế người dân. Ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay, dư địa phát triển rất lớn về nông nghiệp nói chung, về cây ăn trái nói riêng nên cần những hành động phù hợp, mang tính tổng thể khơi dậy tiềm năng, đưa trái cây của vùng vươn tầm quốc tế. Những hoạch định cần có sự đồng bộ về các chính sách (1) tài chính bằng cách hỗ trợ các khoản vay lãi suất ưu đãi, (2) chương trình đào tạo và hướng dẫn nông nghiệp cho nông dân về trồng cây ăn trái, tạo lập những vùng chuyên canh, xây dựng thương hiệu (3) thương mại hóa sản phẩm qua việc hỗ trợ nông dân tiếp thị sản phẩm đến những thị trường quốc tế, tạo thế cạnh tranh với các nước và (4) phát triển nông nghiệp phù hợp mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa lợi ích xã hội-kinh tế-môi trường.

Tài liệu tham khảo

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tiền Giang. (2005). *Địa chí Tiền Giang, Tập 1*.
- Đỗ, Đ. K. (1973). *Vấn đề phát triển nông nghiệp tại Định Tường*. Học viện Quốc gia Hành chính Sài Gòn, Việt Nam.
- Lâm, Q. H. (1997). *Cách mạng ruộng đất ở miền Nam Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Lê, Đ. T. (2020). *Kinh tế nông nghiệp Việt Nam Cộng hòa 1955-1975*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Lê, V. T. (1971), *Ngân hàng phát triển Nông nghiệp*. Học viện quốc gia hành chính Sài Gòn, Việt Nam.
- Nguyễn, Đ. T. (Chủ biên, 2019), *Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam 1969-1976*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Tổng hợp.
- Bộ Giao thông và Bưu điện. (1969-1973). *Hồ sơ về việc thi hành Luật "Người cày có ruộng" năm 1970-1973*, Hồ sơ số: 901, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bộ Thương mại và Tiếp tế - Nha Ngoại thương. (1951 - 1975). *Tập Nghị định, Quyết định, Thông báo của Nha Ngoại thương, Tổng Nha thương vụ, Nha viện trợ thương mại v/v ấn định thể thức trợ cấp phân bón và định giá phân bón năm 1962, 1963, 1964, 1966, 1974*, Hồ sơ số: 681, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa. (1954-1975). *Tập tài liệu của Phủ Thủ tướng, Bộ Canh nông về vấn đề phân bón năm 1955-1974*, Hồ sơ số: 28212, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa. (1954-1975). *Tờ trình nguyệt để tháng 01 - 12.1970 của tỉnh Định Tường*, Hồ sơ số: 720, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa. (1954-1975). *Tờ trình nguyệt để tháng 01 - 5.1972 của tỉnh Định Tường*, Hồ sơ số: 935, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phủ Tổng thống Đệ nhất Cộng hòa. (1954-1963). *Tài liệu của Bộ điện thổ và cải cách điện địa v/v định giá ruộng hoang tỉnh Định Tường và ruộng trấu hữu tại quận Kiên Hưng tỉnh Kiên Giang năm 1959*. Hồ sơ số: 12729, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Tổng thống Đệ nhị Cộng hòa. (1967-1975). *Tập Công điện của tỉnh Định Tường v/v xuất tỉnh các loại thực phẩm tiếp tế cho Đô thành năm 1969*. Hồ sơ số: 2371, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ. (1957-1963). *Hồ sơ thành lập các Ty Nông vụ tại các tỉnh năm 1958-1963*. Hồ sơ số: 860, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ. (1957-1963). *Hồ sơ về công tác di dân và định cư tại tỉnh Định Tường năm 1963*. Hồ sơ số: 6469, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phủ Tổng ủy Dinh điền và Nông vụ. (1957 - 1963). *Biên bản khóa hội thảo nông vụ liên tỉnh tại Định Tường ngày 16.17/8/1962*. Hồ sơ số: 401, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sưu tập tư liệu. *Việt Nam thống kê nông nghiệp 1961*. Hồ sơ số: Vv.350, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sưu tầm tư liệu. *Niên giám thống kê Nông nghiệp năm 1964*. Hồ sơ số: Vv 352, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, TP. Hồ Chí Minh.
- Sưu tập tư liệu. *Niên giám thống kê nông nghiệp 1972*. Hồ sơ số: Vv.367, Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Sưu tập tài liệu ảnh. *Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu và Thủ tướng Trần Văn Hương kinh lý tỉnh Định Tường và chủ tọa lễ phát chứng khoán ruộng đất cho nông dân ngày 23.4.1969*. Hồ sơ số: 1830, Trung tâm lưu trữ Quốc gia II, Thành phố Hồ Chí Minh.